

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-PT
Ngày 17-9-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân Thúy

Các Thẩm phán: Bà Trần Thu Hương

Bà Đặng Hồ Điệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số 24/2019/TLPT-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 16/2019/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3611/2019/QĐ-PT ngày 03 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Thu H; ĐKKHKT: Số 8/11 tổ dân phố V, quận Đồ S, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Số 16 Lý Thánh T, tổ dân phố Đại Đ, phường Vạn S, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Vũ Văn Gi; nơi cư trú: Số 8/11 tổ dân phố V, quận Đồ S, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Người kháng cáo: Anh Vũ Văn Gi là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ và bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

Chị Đỗ Thị Thu H và anh Vũ Văn Gi kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường

Vạn Sơn, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng ngày 01 tháng 8 năm 2001. Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là cháu Vũ Thị Vi A, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2002 và cháu Vũ Đức A1, sinh ngày 03 tháng 3 năm 2006.

Theo nguyên đơn chị Đỗ Thị Thu H trình bày: Quá trình chung sống, chị và anh Gi thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tiền bạc, cách thức phát triển kinh tế, anh Gi nhiều lần vay nợ, chị và gia đình đã nhiều lần tác động, khuyên giải, nhưng hai bên thường xuyên xảy ra va chạm cãi nhau; các đối tượng xã hội thường xuyên đến nh, nhắn tin, gọi điện thoại đe dọa chị và các con, làm ảnh hưởng rất lớn đến cuộc sống sinh hoạt, học tập của các cháu và bản thân chị. Do cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, trầm trọng nên từ tháng 7 năm 2018 cho đến nay giữa chị và anh Gi đã sống ly thân, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, việc ai người ấy làm. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Gi.

Về con chung: Khi ly hôn, chị H đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho chị nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Gi cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Vũ Văn Gi trình bày: Anh khai thống nhất với chị H về quá trình kết hôn, về con chung. Anh và chị H chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng 01 năm trở lại đây thì mới phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do anh và chị H bất đồng quan điểm về cách quản lý, nuôi dạy con cái và cách ứng xử của chị H đối với bố mẹ anh không đúng chuẩn mực, đạo đức. Ngoài ra, anh chị còn bất đồng quan điểm trong việc chi tiêu, cách phát triển kinh tế gia đình. Anh đã nhiều lần đến tìm chị H, đồng thời có nhờ mọi người trong gia đình chị H phân tích, khuyên nhủ để chị H quay về nhưng không được và anh xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên anh đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Khi ly hôn anh đề nghị giao cháu Vũ Đức A1, sinh ngày 03 tháng 3 năm 2006 cho anh nuôi dưỡng và giao cháu Vũ Thị Vi A, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2002 cho chị H nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về tài sản chung: Tại Đơn đề nghị ghi ngày 15-02-2019, anh Vũ Văn Gi yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng gồm có quyền sử dụng diện tích 68,4m² đất, tại thửa đất số 103, tờ bản đồ số 21, địa chỉ thửa đất tổ dân phố Đại Đồng, phường Vạn Sơn, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng và quyền sử dụng diện tích 80,1m² đất tại thửa đất số 34, tờ bản đồ số 04, địa chỉ thửa đất tổ dân phố Đại Đồng, phường Vạn Sơn, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng. Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn đã ra Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 21/TB-TA ngày 27-02-2019, song hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo, anh Gi không nộp lại biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án. Do đó, Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn đã có Thông báo số 08/TB-TA ngày 11-3-2019 trả lại đơn đề nghị cho anh.

Với nội dung nêu trên Bản án sơ thẩm số 16/2019/HNGĐ-ST ngày 12-7-2019 của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng đã quyết định như sau:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Thu H được ly hôn anh Vũ Văn Gi.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Thị Vi A, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2002 và cháu Vũ Đức A1, sinh ngày 03 tháng 3 năm 2006 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét hoặc đến khi chị H và anh Gi có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Bị đơn là anh Vũ Văn Gi kháng cáo không đồng ý với Bản án sơ thẩm số 16/2019/HNGĐ-ST ngày 12-7-2019 của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, đề nghị Tòa cấp phúc thẩm giải quyết các vấn đề sau:

- Xem xét lại lý do ly hôn của nguyên đơn và xác minh các chứng cứ trong bản án của Tòa án làm ảnh hưởng tới uy tín và nhân phẩm của bị đơn, cụ thể anh không đồng ý với nhận định trong bản án của Tòa án cấp sơ thẩm về lý do vợ chồng ly hôn và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do “anh rơi vào tình cảnh nợ nần”. Việc ghi câu chữ như vậy trong bản án làm ảnh hưởng tới uy tín, nhân phẩm của anh nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại nguyên nhân mâu thuẫn không phải “do rơi vào tình cảnh nợ nần”;

- Đề nghị xem xét nguyện vọng của con chung là cháu Đức A1 mong muốn được ở với ai vì anh cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm hỏi ý kiến của cháu chưa đúng trình tự; anh sẽ tôn trọng nguyện vọng và sự quyết định của cháu Đức A1, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tiến hành hỏi ý kiến nguyện vọng của cháu Vũ Đức A1 một cách khách quan đúng quy định của pháp luật.

- Về vấn đề tài sản chung: Xem xét ngăn chặn và hủy các thủ tục sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà nguyên đơn và bị đơn đã chuyển nhượng để hai bên giải quyết phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân và đề nghị

Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết chia tài sản chung vợ chồng khi giải quyết vụ án ly hôn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn anh Vũ Văn Gi trình bày:

- Anh đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xác định lý do khi xem xét giải quyết khi ly hôn không phải do “kinh tế rơi vào cảnh nợ nần” như bản án sơ thẩm đã nhận định mà do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, lối sống nên chị H phải rút lại quan điểm ý kiến cho rằng “anh nợ nần, các đối tượng xã hội thường xuyên đến nhà, nhậu tin, gọi điện thoại đe dọa chị và các con, làm ảnh hưởng rất lớn đến cuộc sống sinh hoạt, học tập của các cháu và bản thân chị“, nếu không thì phải có bằng chứng, chứng cứ chứng minh; ngoài ra khi vợ chồng mâu thuẫn, anh cũng đã tìm biện pháp khắc phục, gặp gia đình chị H để nhờ can thiệp, hòa giải nhưng không được. Đến nay, xác định tình cảm không thể hàn gắn nên anh đồng ý ly hôn. Anh đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm về phần nhận định nêu trên và do không có đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm.

- Về vấn đề nuôi con chung: Nguyên vọng của anh vẫn muốn được nuôi cháu Vũ Đức A1, Tòa án cấp phúc thẩm đã hỏi ý kiến của con nên anh tôn trọng nguyện vọng của các con , nhất trí giao hai con là Vũ Thị Vi A và Vũ Đức A1 cho chị Đỗ Thị Thu H nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Anh sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

Nguyên đơn chị Đỗ Thị Thu H trình bày: Chị H đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm. Đối với những nội dung kháng cáo anh Vũ Văn Gi trình bày, chị H có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Chị vẫn giữ nguyên các quan điểm, ý kiến đã trình bày tại cấp sơ thẩm, việc vợ chồng mâu thuẫn xuất phát từ việc mâu thuẫn về kinh tế gia đình, đã nhiều lần chị và gia đình phải đứng ra giải quyết các khoản vay của anh Gi, nhưng chị thấy không cần thiết cung cấp chứng cứ ở phiên tòa. Song đến nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Gi.

- Về việc nuôi con chung: Chị đề nghị được nuôi hai con là cháu Vũ Đức A1, sinh ngày 03 tháng 3 năm 2006 và cháu Vũ Thị Vi A, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2002 và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến phiên tòa. Các đương sự cũng đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung, đề xuất việc giải quyết vụ án:

Đối với nội dung chị H trình bày anh Gi nợ nần bị người khác đến đòi nợ thì chị H không cung cấp được tài liệu chứng cứ nên không có cơ sở để xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Gi nợ nần mà chỉ là bất đồng trong quản lý kinh tế. Đối với việc anh Gi bổ sung kháng cáo tại phiên tòa đề nghị hủy án sơ thẩm vì lý do không có Kiểm sát viên sơ thẩm tại phiên tòa sơ thẩm, kháng cáo này vượt quá phạm vi kháng cáo của bị đơn nên không xem xét giải quyết. Nhưng qua nghiên cứu hồ sơ vụ án thấy Tòa án cấp sơ thẩm cũng có một phần vi phạm như không thu thập chứng cứ để làm rõ nguyên nhân mâu thuẫn; không hỏi nguyện vọng của các cháu Đức A1 và Vi A mà đã nhận định trong bản án về những nội dung này. Tuy nhiên Tòa án cấp phúc thẩm đã thu thập bổ sung chứng cứ, tại phiên tòa các bên đương sự cũng thừa nhận mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn, đồng ý ly hôn và giao hai con chung cho chị H nuôi dưỡng; về tài sản anh Gi sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác. Anh Gi chỉ yêu cầu sửa lại nội dung nhận định đối với việc anh nợ nần nên không cần thiết phải hủy án sơ thẩm, chỉ cần sửa bản án sơ thẩm tại phần nhận định như kháng cáo của anh Gi cũng đảm bảo quyền và lợi ích của các bên đương sự.

Vì các lẽ trên, đề nghị HĐXX chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn đối với Bản án số 16/2019/HNGĐ-ST ngày 12/7/2019 của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng theo hướng sửa một phần nhận định của Tòa án về quan hệ hôn nhân, lý do không phải do không anh Gi như trình bày của chị H. Giữ nguyên phán quyết của Tòa án sơ thẩm tại phần quyết định.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do được chấp nhận một phần kháng cáo nên bị đơn là anh Vũ Văn Gi không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ cũng như lời trình bày của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân.

- Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của anh Vũ Văn Gi:

[2] Về việc xác định lại nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn:

Lời khai của hai bên đương sự đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và thường xuyên va chạm, không có tiếng nói chung. Nhưng nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn thì các bên trình bày không thống nhất. Theo chị H trình bày thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do vợ chồng bất đồng về tiền bạc, cách thức phát triển kinh tế, anh Gi thường xuyên vay nợ, chơi bời bên ngoài, chị và gia đình đã nhiều

lần tác động, khuyên giải, cố gắng thu xếp nhưng anh Gi không thay đổi. Theo anh Gi trình bày thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh nguyên nhân là do anh và chị H bất đồng quan điểm về cách quản lý, nuôi dạy con cái và cách ứng xử của chị H đối với bố mẹ anh không đúng chuẩn mực, đạo đức, ngoài ra anh chị còn bất đồng quan điểm trong việc chi tiêu, cách phát triển kinh tế gia đình.

Căn cứ vào lời khai của anh Gi, chị H tại phiên tòa và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì mâu thuẫn giữa chị H và anh Gi đã ở mức căng thẳng, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn từ vấn đề chung nhất và sâu xa nhất là do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, lối sống và về kinh tế. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định một trong những nguyên nhân mâu thuẫn là do “kinh tế rơi vào cảnh nợ nần” trong khi trong hồ sơ vụ án thể hiện không có các tài liệu chứng minh, tại phiên tòa chị H cũng trình bày không cung cấp chứng cứ để xác định việc này nên việc nhận định như trên là không sát với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, không cần thiết và có thể ảnh hưởng đến danh dự cá nhân của các bên. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần thiết phải sửa phần nhận định của bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, việc nhận định như trên cũng không làm thay đổi bản chất của phần quyết định của bản án sơ thẩm khi xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Gi đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể tiếp tục và xử cho ly hôn. Tại phiên tòa phúc thẩm, cả hai bên đương sự cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ và hàn gắn là không thể và đều thống nhất ly hôn nên cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm và xử cho chị H được ly hôn anh Gi là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về việc nuôi con chung: Tại phiên tòa phúc thẩm, cả hai bên đương sự đều thống nhất về việc nuôi con. Chị H đề nghị Tòa án giao cả hai con cho chị nuôi dưỡng, anh Gi đồng ý vì tôn trọng nguyện vọng của các con. Bản án cấp sơ thẩm đã xử giao hai con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ nên cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm và giao 02 con chung là cháu Vũ Thị Vi A, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2002 và cháu Vũ Đức A1, sinh ngày 03 tháng 3 năm 2006 cho chị Đỗ Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị Đỗ Thị Thu H là nguyên đơn không yêu cầu chia tài sản chung. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Vũ Văn Gi có quan điểm sẽ yêu cầu chia tài sản chung bằng vụ án khác nên việc Bản án sơ thẩm không xem xét giải quyết việc chia tài sản chung là có căn cứ.

Đối với yêu cầu tại Đơn kháng cáo anh Gi nêu về việc xem xét ngăn chặn và hủy các thủ tục sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà nguyên đơn và bị đơn đã chuyển nhượng để hai bên giải quyết phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã có văn bản số 3332/TA-HP ngày 21-8-2019 giải thích quy định của pháp luật và đã tổng đạt hợp lệ cho anh Gi. Tại phiên tòa, anh Gi không có ý kiến gì về yêu cầu trên nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Đối với việc anh Gi bỏ sung kháng cáo tại phiên tòa đề nghị hủy án sơ thẩm vì lý do không có Kiểm sát viên sơ thẩm tại phiên tòa sơ thẩm, kháng cáo này vượt quá phạm vi kháng cáo của bị đơn, sau đó anh Gi không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của anh Vũ Văn Gi về việc hủy bỏ một phần nội dung trong phần nhận định về nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị H và anh Gi, cụ thể, không xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do “kinh tế rơi vào cảnh nợ nần” và giữ nguyên quyết định Bản án sơ thẩm số 16/2019/HNGĐ-ST ngày 12-7-2019 của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng là phù hợp với khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên anh Vũ Văn Gi không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Vũ Văn Gi.

Hủy bỏ một phần nội dung trong phần nhận định về việc xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do “kinh tế rơi vào cảnh nợ nần”.

2. Giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 16/2019/HNGĐ-ST ngày 12-7-2019 của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Thu H được ly hôn anh Vũ Văn Gi.

- Về việc nuôi con chung: Giao con chung là Vũ Thị Vi A, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2002 và Vũ Đức A1, sinh ngày 03 tháng 3 năm 2006 cho chị Đỗ Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Việc chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn sẽ được xem xét giải quyết khi một hoặc các đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

3. Về án phí dân sự:

- Chị Đỗ Thị Thu H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0006925 ngày 16 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi Hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

- Anh Vũ Văn Gi không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho anh Vũ Văn Gi 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0007036 ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi Hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi Hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi Hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường Vạn Sơn;
- Các đương sự (để thi Hành);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Vân Thúy

